

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28-9-2018

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nông.

2. Bà Nguyễn Thị Vân Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 912/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1983; thường trú: Ấp N, xã C, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Số 103/35/7^K, khu phố N, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; thường trú: Ấp N, xã C, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Số 103/35/7^K, khu phố N, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Hoàng Thị L đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T tìm hiểu nhau và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn.

Sau khi đám cưới, chị L và anh T sinh sống tại ấp N, xã C, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Đến tháng 02 năm 2010, anh chị chuyển đến sinh sống, tạm trú tại số 103/35/7^K, khu phố N, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Cách đây khoảng 01 tháng, do vợ chồng mâu thuẫn nên chị L đến ở nơi khác cũng thuộc khu phố N, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương, còn anh T đến ở khu vực phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương và anh chị sống ly thân cho đến nay.

Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 7/2018 phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên gây gổ với nhau. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng hòa giải và nỗ lực hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn vẫn không giải quyết được. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị L và anh T có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Phi H, sinh ngày 18/01/2011. Chị L đồng ý giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng: Chị L tự nguyện chịu toàn bộ.

- Lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Văn T đã trình bày: Thống nhất với phần trình bày của chị Hoàng Thị L về thời gian tìm hiểu, tổ chức đám cưới, về nơi ở, quá trình chung sống, thời gian mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn. Nay anh T xác định tình cảm hai bên không còn và đồng ý Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng theo yêu cầu của chị L. Về con chung: Anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hoàng Phi H, sinh ngày 18/01/2011 và đồng ý với chị L về việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Tại bản tự khai ngày 06/9/2018, cháu Nguyễn Hoàng Phi H có ý kiến: Con là con của ba Nguyễn Văn T và mẹ Hoàng Thị L. Nếu ba mẹ con ly hôn, con xin được sống với ba để chăm sóc và lo cho con đi học, ý kiến của con là tự nguyện.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Hoàng Thị L, bị đơn anh Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân, chị L và anh T tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn nên hôn nhân không hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị đã mâu thuẫn từ tháng 7/2018 cho đến nay, tình cảm không còn nên không thể hàn gắn, đã từ chối đi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, chị L khởi kiện yêu cầu

không công nhận vợ chồng với anh T là có căn cứ. Về con chung: Chị L đồng ý giao con chung là Nguyễn Hoàng Phi H, sinh ngày 18/01/2011 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ý kiến này của chị L là tự nguyện và được anh T chấp nhận. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ các Điều 9, 14, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Hoàng Thị L khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Văn T và giải quyết về con chung nên đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Hoàng Thị L, bị đơn anh Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2010, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân không hợp pháp.

Chị L xác định trong quá trình chung sống với anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống được với nhau và thực tế anh chị đang sống ly thân, mỗi người ở riêng một nơi. Những mâu thuẫn chị L trình bày được anh T thừa nhận, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc, để đạt được mục đích đó vợ chồng phải tôn trọng, thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Do tình trạng mâu thuẫn không thể giải quyết nên chị L, anh T xác định không còn tình cảm, không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân, không đồng ý hàn gắn tình cảm vợ chồng và không đồng ý đi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của chị L và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị L yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 9 và khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Phi H, sinh ngày 18/01/2011. Chị L đồng ý giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh T cũng đồng ý đối với ý kiến của chị L và thực tế anh T đang chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, yêu cầu của chị L về việc giao anh T nuôi dưỡng con chung là phù hợp với nguyên

vọng của con, có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Chị Hoàng Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng: Chị Hoàng Thị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị L đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị L với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Phi H, sinh ngày 18/01/2011 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Hoàng Thị L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng, chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với con chung chưa thành niên; không ai được lạm dụng việc thăm nom cản trở các quyền này. Vì lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung, nợ chung về tài sản: Chị Hoàng Thị L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng, được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020019 ngày 24/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Chị Hoàng Thị L còn phải nộp bổ sung số tiền 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hoàng